

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ GR  
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 01/2024/DS-ST  
Ngày 12 - 01 - 2024  
V/v tranh chấp hụi.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GR, TỈNH BẠC LIÊU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:** Bà Nguyễn Kim Nhi

**Hội thẩm nhân dân:** Ông Nguyễn Thành Nhạn

**Bà Cao Thị Mỹ Phượng**

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Đào - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã GR, tỉnh Bạc Liêu.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã GR, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Hoàng Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã GR, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 223/2023/TLST-DS ngày 06 tháng 10 năm 2023 về việc tranh chấp hụi, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 135/2023/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 11 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 118/2023/QĐST-DS ngày 08 tháng 12 năm 2023 và Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số: 44/TB-TA ngày 19 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Trần Thị L, sinh năm 1962 và ông Trương Văn H, sinh năm 1960. Cùng địa chỉ: Ấp 1, xã Phong Thạnh Tây, thị xã GR, tỉnh Bạc Liêu.

- **Bị đơn:** Ông Lê Văn U, sinh năm 1989 và bà Lê Thị N (tên gọi khác: Lê Hồng N), sinh năm 1981. Cùng địa chỉ: Ấp 1, xã Phong Thạnh Tây, thị xã GR, tỉnh Bạc Liêu.

(Tại phiên tòa các đương sự đều có mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện ngày 18 tháng 7 năm 2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị L, ông Trương Văn H thống nhất trình bày:

Vào năm 2020 vợ chồng ông Lê Văn U và bà Lê Thị N (Lê Hồng N) có tham gia chơi hụi do vợ chồng bà làm chủ. Ông U, bà N tham gia 02 dây hụi khui cùng ngày 29 tháng 3 năm 2020 (âm lịch), loại hụi 1.000.000 đồng, dây thứ

nhất có 36 chung, dây thứ hai có 37 chung, mỗi dây hụi ông U, Nhung tham gia 01 chung. Khi chơi vợ chồng bà ghi danh sách các hụi viên, mỗi kỳ khui hụi các hụi viên đều có mặt để khui và ai bỏ hụi cao thì được hốt hụi (danh sách hụi ghi tên ông U). Dây thứ nhất ông U, bà N hốt hụi vào ngày 29 tháng 7 năm 2020 (âm lịch) được 28.400.000 đồng. Dây thứ hai ông U, bà N hốt hụi vào ngày 29 tháng 9 năm 2020 (âm lịch) được 26.120.000 đồng. Sau khi hốt hụi thì ông U, bà N có đóng lại hụi chết nhưng không đóng đầy đủ, cụ thể dây thứ nhất còn nợ 21 kỳ hụi chết là 21.000.000 đồng, dây thứ hai còn nợ 22 kỳ hụi chết là 22.000.000 đồng. Tổng cộng là 43.000.000 đồng, khi đó bà N có ký tên nhận nợ ngày 26 tháng 10 năm 2022 (âm lịch). Các dây hụi trên đều bị đình hụi (bể hụi).

Sau khi ký nhận nợ thì ông U, bà N hứa mỗi tháng sẽ trả cho vợ chồng bà 2.000.000 đồng. Ông U, bà N có trả cho ông bà được số tiền 6.000.000 đồng rồi ngưng trả cho đến nay. Số tiền hụi ông U, bà N còn nợ ông bà là 37.000.000 đồng. Nay ông bà yêu cầu ông U, bà N trả cho ông bà số tiền nợ hụi là 37.000.000 đồng, không yêu cầu tiền lãi từ ngày phát sinh nợ đến ngày giải quyết.

*Bị đơn ông Lê Văn U và bà Lê Thị N (Lê Hồng N) thống nhất trình bày:*

Ông bà thống nhất với lời trình bày của bà Trần Thị L và ông Trương Văn H. Ông bà còn nợ của bà L, ông H tiền hụi là 37.000.000 đồng. Nay ông bà đồng ý thanh toán cho bà L, ông H số tiền 37.000.000 đồng. Tuy nhiên, không phải do ông bà tự ngưng đóng hụi cho bà L, ông H mà do bà L bỏ địa phương đi nên ông bà không đóng hụi cho bà L nữa. Mặc khác, từ khi bà L trở lại địa phương ông bà có trao đổi với bà L mỗi tháng ông bà sẽ đóng hụi chết cho bà L là 1.000.000 đồng nhưng bà L không đồng ý và khởi kiện ra Tòa án. Do bà L, ông H khởi kiện thì bà L, ông H phải chịu án phí, ông bà không đồng ý chịu án phí.

*Tại phiên tòa bà L, ông H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.*

*Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã GR, tỉnh Bạc Liêu phát biểu quan điểm:*

*Về việc tuân theo pháp luật:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Về nội dung giải quyết vụ án:*

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị L và ông Trương Văn H. Buộc ông Lê Văn U và bà Lê Thị N (Lê Hồng N) có nghĩa vụ thanh toán cho bà L, ông H số tiền hụi là 37.000.000 đồng. Buộc ông U, bà N phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án; căn cứ vào ý kiến của đương sự, đại diện Viện kiểm sát; Hội đồng xét xử nhận thấy:*

[1] Thẩm quyền giải quyết: Bà Trần Thị L và ông Trương Văn H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lê Văn U và bà Lê Thị N (Lê Hồng N) trả tiền nợ hui. Ông U, bà N có địa chỉ tại ấp 1, xã Phong Thạnh Tây, thị xã GR, tỉnh Bạc Liêu. Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã GR, tỉnh Bạc Liêu.

[2] Bà L, ông H khởi kiện yêu cầu ông U, bà N trả tiền nợ hui nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là “*Tranh chấp hui*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Bà L, ông H xác định ông U, bà N có tham gia chơi hui do ông bà làm chủ, sau khi hốt hui xong thì ông U, bà N còn nợ ông bà tiền hui chết là 37.000.000 đồng. Phía ông U, bà N thừa nhận có chơi hui và nợ hui của bà L, ông H như lời bà L, ông H trình bày. Xét thấy, việc chơi hui và nợ hui là có xảy ra thực tế, được các đương sự thừa nhận. Đây những tình tiết, sự kiện không cần chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà L, ông H. Buộc ông U, bà N cùng có nghĩa vụ thanh toán cho bà L, ông H số tiền nợ hui là 37.000.000 đồng.

[4] Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà L, ông H được chấp nhận nên căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc ông U và bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 37.000.000 đồng x 5% = 1.850.000 đồng. Bà L, ông H không phải chịu án phí.

[5] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã GR, tỉnh Bạc Liêu là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ quy định về họ, hui, biêu, phường; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### ***Tuyên xử:***

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện bà Trần Thị L và ông Trương Văn H đối với ông Lê Văn U và bà Lê Thị N (tên gọi khác: Lê Hồng N).

2. Buộc ông Lê Văn U và bà Lê Thị N cùng có nghĩa vụ thanh toán cho bà Trần Thị L và ông Trương Văn H số tiền nợ hụi là 37.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền trên đây, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc ông Lê Văn U và bà Lê Thị N phải chịu 1.850.000 đồng và nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã GR, tỉnh Bạc Liêu.

Bà Trần Thị L và ông Trương Văn H không phải chịu án phí. Bà Trần Thị L và ông Trương Văn H đã nộp tiền tạm ứng án phí 925.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008021 ngày 05 tháng 10 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã GR, tỉnh Bạc Liêu nên bà Trần Thị L và ông Trương Văn H được nhận lại 925.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã GR, tỉnh Bạc Liêu.

4. Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Án xử sơ thẩm công khai, đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND thị xã GR;
- Chi cục THADS thị xã GR;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Kim Nhi**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND thị xã GR;
- Chi cục THADS thị xã GR;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Kim Nhi**